

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	398.92 ↓	-3.16	-0.79%
KLGD (triệu ck)	45.71 ↑	16.06	54.19%
GTGD (tỷ đồng)	678.22 ↑	224.79	49.57%
Tổng cung (triệu ck)	136.74 ↑	34.47	33.70%
Tổng cầu (triệu ck)	131.34 ↑	12.19	10.23%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.52 ↑	1.58	53.67%
KL bán (triệu ck)	2.17 ↓	-0.85	-28.09%
Giá trị mua (tỷ đồng)	120.19 ↑	44.70	59.22%
Giá trị bán (tỷ đồng)	61.85 ↑	5.88	10.51%

Các ngưỡng kĩ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	414	**
Kháng cự 2	425	***
Kháng cự 3	436	*
Hỗ trợ 1	378	*
Hỗ trợ 2	370	**
Hỗ trợ 3	350	**

* Yếu
** Trung Bình
*** Mạnh
**** Rất mạnh

Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Nhận định thị trường:



Tin đáng chú ý:

- Số liệu của Viện Quản lý Nguồn cung (ISM) cho thấy hoạt động sản xuất tại Mỹ suy giảm tháng thứ ba liên tiếp trong tháng 8 với tốc độ mạnh nhất trong 3 năm.
- HSBC Việt Nam vừa công bố kết quả Chỉ số Nhà Quản trị Mua PMITM ngành sản xuất. Theo đó, chỉ số PMITM ngành sản xuất Việt Nam tăng từ 43,6 điểm trong tháng 7 lên 47,9 điểm trong tháng 8 thể hiện các điều kiện hoạt động của lĩnh vực sản xuất Việt Nam tiếp tục giảm thêm.

Nhận định thị trường:

Áp lực bán có chiều hướng gia tăng khi VN-Index tiến sát tới kháng cự 414 điểm và HNX-Index ở gần kháng cự ngắn hạn tại 63,35 điểm. Điều này có thể khiến thị trường tiếp tục giảm nhẹ, tuy nhiên trạng thái của chỉ số hai sàn vẫn đang là trạng thái dao động không rõ xu thế. Theo đó ngưỡng hỗ trợ 58,79 điểm với HNX-Index và 370 điểm với VN-Index sẽ khó bị phá vỡ nếu như không có yếu tố thông tin đột biến tác động tiêu cực đến tâm lý thị trường. NĐT ngắn hạn có thể tham gia một phần tiên vào thị trường nếu thấy xuất hiện các dấu hiệu tích cực tại vùng hỗ trợ nêu trên, ngược lại nên hạn chế việc mua đuổi giá cao trong những phiên thị trường tăng điểm.

HNX:**Tổng quan thị trường**

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	60.92 ↓	-0.73	-1.18%
KLGD (triệu ck)	31.80 ↑	8.26	35.11%
GTGD (tỷ đồng)	294.53 ↑	79.60	37.03%
Tổng cung (triệu ck)	52.34 ↑	12.67	31.95%
Tổng cầu (triệu ck)	42.69 ↑	6.91	19.32%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.17 ↑	0.91	351.47%
KL bán (triệu ck)	0.89 ↑	0.18	25.26%
Giá trị mua (tỷ đồng)	12.61 ↑	8.94	243.81%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.38 ↑	1.26	15.50%

Các ngưỡng kỹ thuật

	Điểm	Đánh giá
Kháng cự 1	63,35	*
Kháng cự 2	67,00	***
Kháng cự 3	70,00	**
Hỗ trợ 1	58.79	**
Hỗ trợ 2	55,00	****

- * Yếu
 ** Trung Bình
 *** Mạnh
 **** Rất mạnh

Thanh khoản

KLGD Khớp lệnh	Giá trị (cổ phiếu/phiên)
Bình quân 10 phiên	37,695,900
Bình quân 25 phiên	33,461,760
Cao nhất trong 6 tháng	111,859,504
Thấp nhất trong 6 tháng	18,768,100
Phiên gần nhất	38,133,340

Nhận định thị trường:

Đồ thị HNX-Index.

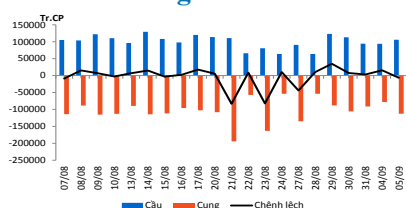
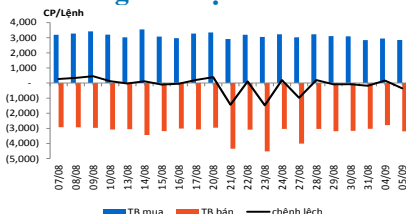
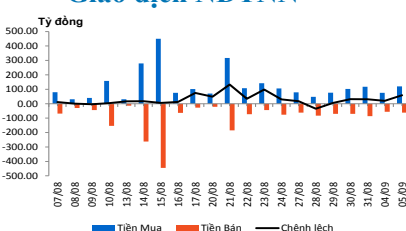
Phân tích kỹ thuật:

Chỉ số HNX-Index hiện tại đang dao động trong vùng 58,79 điểm – 63,35 điểm, và phiên giảm điểm ngày hôm nay cho thấy áp lực bán gia tăng tại vùng kháng cự, tuy nhiên chưa làm thay đổi trạng thái dao động của chỉ số sàn Hà Nội.

Ngưỡng hỗ trợ 58,79 điểm ứng với đáy kênh dao động được thiết lập (như hình vẽ) là một ngưỡng khá mạnh đối với chỉ số HNX-Index, hơn nữa nó cũng nằm khá sát với vùng 55 điểm tương ứng với hỗ trợ đáy thấp nhất trong trung hạn của HNX-Index, do đó nếu không có yếu tố tác động đột biến tới thị trường thì khả năng phá vỡ ngưỡng 58,79 điểm sẽ khó xảy ra.

Như đã thống kê ở bản tin trước, một lượng lớn các mã cổ phiếu đang dao động sát vùng hỗ trợ trung hạn tương ứng với đáy cũ. Nhìn chung, các mã này đang có dấu hiệu dao động hẹp và vẫn chưa xuất hiện tín hiệu tiêu cực thể hiện sự phá vỡ ngưỡng hỗ trợ mặc dù phiên hôm nay áp lực bán tăng mạnh.

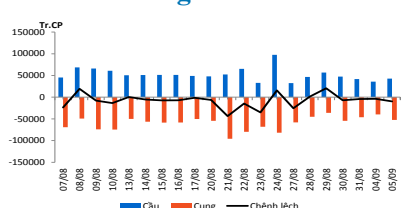
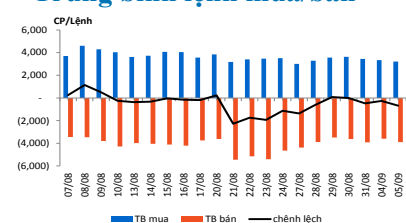
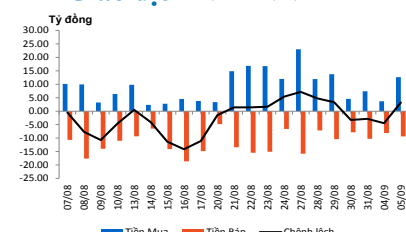
NĐT có thể tham gia một phần tiền vào thị trường nếu xuất hiện các dấu hiệu tạo đáy tích cực khi chỉ số HNN-Index về vùng 58,79 điểm, tuy nhiên trong trường hợp thị trường dao động và tăng trở lại, NĐT không nên mua đuổi với mức giá cao.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Đợt khớp lệnh đầu tiên, VN-Index vẫn giữ được đà tăng nhẹ khi tăng 0,48 điểm (0,11%) lên mức 402,56 điểm. Mặc dù vậy, giá trị giao dịch đợt giao dịch mở cửa chỉ đạt hơn 15 tỷ đồng, tương đương với hơn 1 triệu đơn vị cổ phiếu được chuyển nhượng.

Áp lực bán có chiều hướng tăng mạnh hơn vào giữa phiên giao dịch buổi sáng, đẩy chỉ số giảm gần 1%. Cuối buổi sáng, chỉ số rút ngắn đà giảm chủ yếu nhờ vào sự phục hồi ở CII, DPM, GMD, và đặc biệt là MSN, STB và VCB tăng nhẹ trở lại, trong khi CTG và MBB tiếp cận tham chiếu. Khối lượng khớp lệnh trên HOSE đạt gần 27 đơn vị, với giao dịch đột biến ở HSG và SBT.

Cuối phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa mất mốc 400 điểm, giảm 3.16 điểm (0.79%) về mức 398.92. Khối lượng khớp lệnh đạt 38 triệu đơn vị, giá trị đạt 546 tỷ đồng. Khối ngoại quay trở lại trạng thái mua ròng mạnh khi mua ròng trên HSX hơn 2,35 triệu đơn vị, tương đương giá trị mua ròng hơn 58,338 tỷ đồng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở cửa trên HNX, ACB có những phút mở cửa giao dịch tăng mạnh nhưng sau đó tâm lý thoát hàng khá rõ, khiến cổ phiếu này lùi về gần tham chiếu. FLC gây bất ngờ khi cầu vét khá mạnh và giá đang tiếp cận mức trần. Các nhóm cổ phiếu chủ chốt khác trên HNX như VND, KLS, BVS, SHB, SHS, PVX, SCR... đều giao dịch quanh mức tham chiếu với lực cầu giá thấp rất yếu. Khối lượng khớp lệnh trên cả hai sàn lúc 9h20 chỉ vào khoảng hơn 4 triệu đơn vị, hai chỉ số tăng nhẹ. Giao dịch nhìn chung rất yếu, thể hiện sự bấp bênh của thị trường.

Phiên sáng, trên HNX, nhóm Chứng khoán vẫn giảm nhẹ, lực cầu tại PVX, SCR, SHB là rất yếu. ACB duy trì đà tăng nhẹ nhưng trên thực tế áp lực xả hàng thường xuyên hiện diện rất lớn tại mã này. Khối lượng khớp lệnh trên HNX đạt gần 20 triệu đơn vị, dẫn đầu như thường lệ là VND, PVX, KLS, SCR...

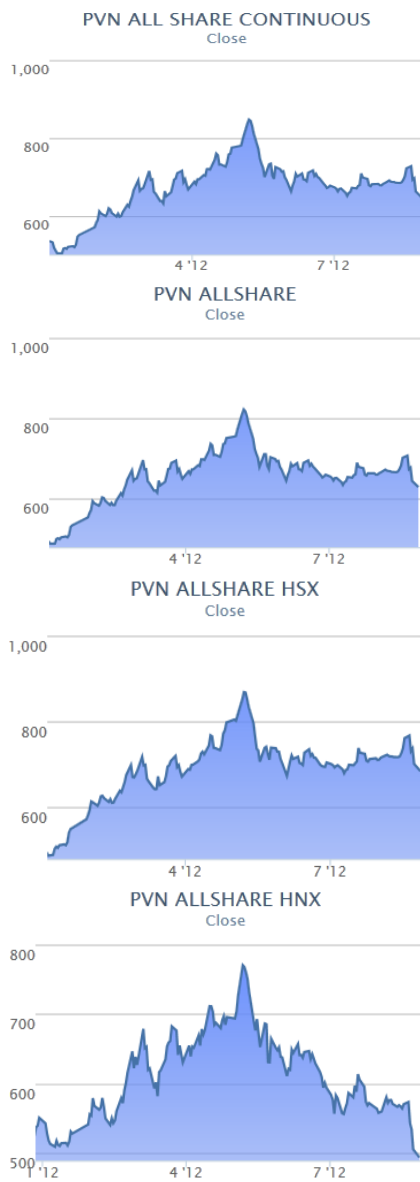
Cuối phiên, HNX-Index giảm 1.18% xuống 60.92 điểm. Khối lượng khớp lệnh đạt gần 29 triệu đơn vị, giá trị 243 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

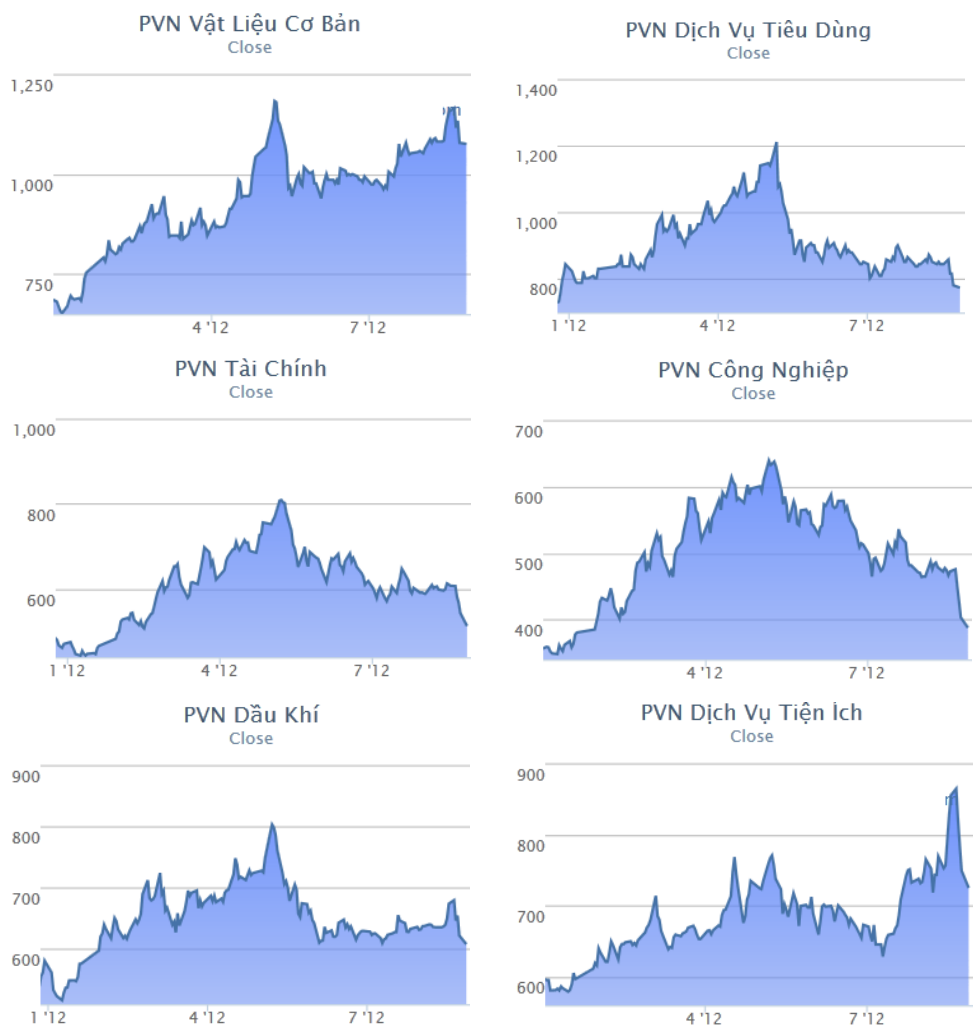
www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	759.88	↓13.23	↓-1.71
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	690.87	↓-8.8	↓-1.26
PVN ALLSHARE	672.08	↓-8.76	↓-1.29
PVN ALLSHARE HNX	508.62	↓-9.78	↓-1.89
PVN ALLSHARE HSX	735.02	↓-8.8	↓-1.18
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1188.41	↑8.7	↑0.74
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	795.77	↓-7.04	↓-0.88
PVN Tài Chính	519.08	↓15.94	↓-2.98
PVN Công Nghiệp	380.66	↓11.89	↓-3.03
PVN Dầu Khí	653.6	↓-9.05	↓-1.37
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	744.76	↑16.76	↑2.3

Chỉ số Ngành



Chỉ số PVN 10



Tổng quan về Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SHARE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBK	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 11 mã cổ phiếu đứng giá, 7 mã tăng giá và 10 mã giảm giá. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 0,28% và tổng khối lượng giao dịch chỉ đạt 8,894 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 05/09:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,000.0	-	0.00	0.44	13.51	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,000.0	11,500	0.00	0.29	27.27	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	3,400.0	159,700	-2.86	0.20	0.33	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	17,500.0	511,400	-2.78	1.44	1.17	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	7,500.0	40,600	-2.60	0.70	4.75	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	5,000.0	-	0.00	0.46	2.76	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,500.0	1,200	0.00	0.45	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	13,400.0	49,178	-0.74	0.80	2.00	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	9,600.0	25,000	-3.03	1.68	4.38	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,200.0	420,000	-1.92	0.65	7.34	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	15,800.0	24,425	0.00	0.68	7.98	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	4,300.0	-	0.00	0.41	2.02	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14,900.0	966,650	-2.61	1.26	3.98	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6,300.0	2,722,645	-3.08	0.28	2.37	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	41,100.0	174,700	0.74	3.32	13.17	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	40,700.0	1,057,680	1.75	2.43	6.57	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,700.0	27,890	0.75	1.23	3.25	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	6,100.0	12,690	1.67	0.52	4.45	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,400.0	150,600	0.00	0.65	2.81	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	36,900.0	297,460	4.83	1.80	5.21	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	3,600.0	207,810	0.00	0.35	2.79	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,900.0	227,150	-0.85	1.18	6.86	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10,500.0	817,290	0.00	0.92	13.29	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,700.0	773,020	4.44	0.48	42.73	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,200.0	75,310	-3.70	0.50	3.47	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3,900.0	44,710	0.00	0.35	2.03	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,500.0	82,360	2.15	0.72	2.85	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	4,900.0	13,410	0.00	0.45	3.22	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DPM	40,000	40,700	1.75	43,260,215
HSG	17,100	17,900	4.68	35,145,319
HAG	26,700	26,500	-0.75	27,813,161
SSI	18,800	19,000	1.06	24,734,152
MSN	96,000	100,000	4.17	23,843,675

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,000	9,700	-3.00	43,843
SVN	41,800	41,800	0.00	22,645
KLS	9,000	8,800	-2.22	19,521
PVX	6,500	6,300	-3.08	17,290
SCR	7,700	7,300	-5.19	16,386

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VNL	11,800	12,500	700	5.93
STT	4,000	4,200	200	5.00
FMC	10,000	10,500	500	5.00
CLG	6,000	6,300	300	5.00
AGD	42,100	44,200	2,100	4.99

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SHN	1,400	1,500	100	7.14
THT	10,000	10,700	700	7.00
NBC	11,500	12,300	800	6.96
MCO	2,900	3,100	200	6.90
SDG	29,000	31,000	2,000	6.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TMS	27,000	0	-27,000	-100.00
TMP	10,000	0	-10,000	-100.00
HVX	4,900	0	-4,900	-100.00
CMT	5,500	0	-5,500	-100.00
PJT	7,900	0	-7,900	-100.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VHL	18,900	17,600	-1,300	-6.88
FDT	20,500	19,100	-1,400	-6.83
SAP	14,700	13,700	-1,000	-6.80
TPP	10,300	9,600	-700	-6.80
DHL	8,900	8,300	-600	-6.74

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	21,836	MSN	17,461
DPM	20,608	EB	5,268
MSN	19,840	HAG	5,213
HSG	13,130	VNM	5,072
SBT	6,413	BVH	4,853

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	6,119	AAA	1,606
PVS	2,770	PVG	1,441
VCG	562	PVX	1,275
HUT	425	VNR	871
PVX	386	PGS	822

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339